

Số: 37/2026/QĐST-DS

An Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đào Thị Xuân D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã B, tỉnh An Giang;
- Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 2009.
- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 2016.

Người đại diện hợp pháp của anh K, anh T: Bà Đào Thị Xuân D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn K1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã G, tỉnh An Giang;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn đồng thời người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Anh K, anh Nguyễn Thành T là bà Đào Thị Xuân D thống nhất huỷ hợp đồng thuê đất lập ngày 30/11/2021 giữa bà Đào Thị Xuân D và ông Phạm Văn K1. Thống nhất bồi

thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn K1 thành quả lao động, công cải tạo đất số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Bà D rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông K1 thanh toán tiền thuê đất số tiền 41.250.000 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

Ông Phạm Văn K1 thống nhất huỷ hợp đồng thuê đất lập ngày 30/11/2021 giữa bà Đào Thị Xuân D và ông Phạm Văn K1, thống nhất nhận số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và thống nhất bàn giao lại quyền sử dụng đất sau khi nhận đủ số tiền trên.

Ông K1 phản tố yêu cầu bồi thường 253.550.000đ nay rút lại yêu cầu phản tố 53.550.000đ và rút yêu cầu bà D phải xin lỗi bồi thường danh dự cho ông theo quy định pháp luật, nên đình chỉ phần rút lại yêu cầu phản tố trên của ông Phạm Văn K1

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thời gian thanh toán tiền và di dời là sau 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Ngày 03/9/2026, bà Đào Thị Xuân D, anh Nguyễn Thành T, Nguyễn Anh K sẽ giao đủ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho ông Phạm Văn K1. Ông Phạm Văn K1 có nghĩa vụ giao trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị Xuân D, anh Nguyễn Thành T và anh Nguyễn Anh K, như sau: Quyền sử dụng tại thửa số 13, tờ bản đồ 26 diện tích 18.000m², loại đất: nuôi trồng thủy sản (NTS), tọa lạc tại: ấp T, xã G, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02381353 do Chi nhánh phòng ký đất đai Khu vực liên xã G cấp cho bà Đào Thị Xuân D đứng tên sử dụng. Quyền sử dụng đất tại thửa số 352, tờ bản đồ 26 diện tích 18.000m², loại đất: nuôi trồng thủy sản (NTS), tọa lạc tại: ấp T, xã G, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02381354, do Chi nhánh phòng ký đất đai khu vực liên xã G cấp cho bà Đào Thị Xuân D đứng tên sử dụng. Quyền sử dụng đất tại thửa số 353, tờ bản đồ 26, diện tích 12.000m², loại đất: nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại: ấp T, xã G, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA02381355, do Chi nhánh phòng ký đất đai Khu vực liên xã G cấp cho ông Nguyễn Anh K và ông Nguyễn Thành T đứng tên sử dụng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản

2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng 147 Bộ Luật tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu huỷ hợp đồng thuê đất là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn), án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng cộng 5.150.000 đồng (năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), bà D, ông K1 chịu mỗi người một nửa số tiền là 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà D được khấu trừ lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.031.250 đồng (một triệu không trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 301045 ngày 04/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, bà D phải nộp thêm số tiền 1.543.750 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Phạm Văn K1 được khấu số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 6.338.750 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0000765 ngày 31/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, nay ông K1 được nhận lại số tiền 3.763.750 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực T- An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

LÊ THỊ DIỄM